TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2017/HNGĐ-PT
Ngày: 25/12/2017
V/v Ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thanh Thủy**.

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Chất**

Bà **Nguyễn Thị Thu Hiền**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thùy Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà **Phạm Thị Thùy** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 38/2017/TLPT-HNGĐ ngày 22/11/2017 về việc Ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 70/2017/HNGĐ-ST ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 23/2017/QĐ-PT ngày 07/12/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Vũ Thị O**, sinh năm 1968.

Địa chỉ cư trú: Thôn N, Xã M, huyện K, Hải Dương.

2. Bị đơn: Ông **Hoàng Văn M** sinh năm 1967.

Địa chỉ cư trú: Thôn N, Xã M, huyện K, Hải Dương.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị **Hoàng Thị Y**, sinh năm 1990.

Địa chỉ cư trú: Thôn Đ, Xã M, huyện K, Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Y: Bà **Vũ Thị O**, sinh năm 1968 (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 01/12/2017).

Địa chỉ cư trú: Thôn N, Xã M, huyện K, Hải Dương.

- Chị **Hoàng Thị T**, sinh năm 1993.

Địa chỉ cư trú: Thôn Đ, Xã A, huyện K, Hải Dương.

4. Người kháng cáo: Bà **Vũ Thị O** – nguyên đơn.

5. Viện kiểm sát kháng nghị: **Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Hải Dương.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm số 70/2017/HNGĐ-ST ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hải Dương thì vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà O và ông M tự do tìm hiểu và chung sống như vợ chồng từ năm 1990 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, sống ly thân từ cuối tháng 6/2014 đến nay.

Bà O trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do bà và ông M không hòa hợp về tính cách, quan điểm sống cũng như cách thức làm kinh tế. Ông bà thường xuyên xảy ra tranh cãi, ông M còn chửi bới, đánh đập bà. Tuy đã cố hàn gắn nhiều lần nhưng mâu thuẫn chỉ ngày càng trầm trọng, sau khi ly thân không ai quan tâm đến ai. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn với ông M.

Ông M trình bày trước đây bà O đã nhiều lần làm đơn xin ly hôn nhưng ông không đồng ý. Tuy nhiên đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc nên ông nhất trí ly hôn với bà O.

Về quan hệ con chung: Ông bà có 02 con chung là Hoàng Thị Y, sinh ngày 10/8/1990 và Hoàng Thị T, sinh ngày 25/4/1993. Chị Y và chị T đã trưởng thành, có gia đình riêng nên ông bà đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về quan hệ tài sản chung: Ông bà trình bày không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, đều nhất trí có tài sản chung và giá đã được định giá 02 lần ngày 30/8/2016 và 27/6/2017 như sau:

- Về đất: Diện tích 301m^2 đất thổ cư tại thửa số 457 và 458, tờ bản đồ số 03 ở xóm 8 xã Xã M, huyện K, tỉnh Hải Dương; được UBND huyện K cấp GCNQSDĐ số Y995684 ngày 10/10/2014 mang tên ông M và bà O; trị giá 301m^2 x 2.000.000đ/m^2 = 602.000.000đ.

- Về các tài sản trên đất:

1. Mái tôn bán hàng, diện tích 19,25m^2, trị giá 4.898.000đ;

2. Nhà mái bằng xây gạch chỉ, nền láng xi măng, diện tích 32,68m^2, sử dụng bán hàng, có 14m^2 thuộc thửa 458, còn lại thuộc đất mương của tập thể, trị giá 69.340.000đ.

3. Nhà mái bằng, khung bê tông cốt thép, nền lát gạch hoa, diện tích 63,42m^2, tường bên ngoài chưa trát, tường bên trong đã trát, chưa quét vôi hoặc sơn, cầu thang chưa trát và chưa làm tay vịn, trị giá 141.000.000đ.

4. Công trình phụ gồm nhà vệ sinh, bể nước xây gạch ba banh mái bằng, diện tích 16,63m^2, trị giá 11.770.000đ.

5. Tường rào xây gạch ba banh trị giá 2.045.000đ.

6. Nhà ở cấp IV mái ngói đã xuống cấp, diện tích 57,4m^2, kết cấu hoành tre đã mục, tường trát bị lở, trị giá 7.900.000đ.

7. Bể nước 7,78m^2 đã hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, trị giá 0đ.

8. Nhà phụ bán mái lợp fibro xi măng, xây gạch ba banh và gạch chỉ, không trát, diện tích 25,08m^2 (tận dụng tường hai bên tường nhà và tường bao), trị giá 3.030.000đ.

9. Cổng sắt hộp, diện tích cánh cổng 7,01m^2, trị giá 1.548.000đ.

10. Trụ cổng 0,766m^3, có mái cổng, trị giá 560.000đ.

11. Tường bao xây gạch ba banh 3,28m^3 trị giá 1.289.000đ.

12. Hàng rào thép trị giá 463.000đ.

- Về các tài sản khác: 01 bàn thờ 2,3m^2, 01 bộ bàn ghế xà cừ có vết cưa dài 15cm, hiện đều đã mối mọt, trị giá còn lại 9.100.000đ.

Tổng giá trị tài sản chung là 854.943.000đ.

Ngoài ra còn có mái tôn diện tích 108,75m^2 trị giá 29.977.000đ và một số tài sản khác dùng làm nghề tang lễ, bà O xác định đây là tài sản riêng của ông M nên không yêu cầu.

Bà O trình bày công sức của bà đóng góp trong khối tài sản chung nhiều hơn ông M, hai con là chị Y và chị T cũng có đóng góp trong tài sản chung của gia đình. Bà đề nghị chia tài sản bằng hiện vật, xin nhận phần đất phía ngoài giáp đường để ông M ở phần đất phía trong và đề nghị trích trả công sức cho chị Y, chị T.

Ông M đề nghị chia đôi tài sản chung, có nguyện vọng được nhận toàn bộ hiện vật và sẽ trả giá trị cho bà O. Ông xác định chị Y và chị T không có đóng góp gì trong tài sản chung của ông và bà O nên không đồng ý trích trả công sức cho chị Y và chị T.

Chị Y và chị T trình bày hai chị được bố mẹ (là ông M và bà O) nuôi ăn học đến hết lớp 9 thì nghỉ học đi lao động. Từ đó đến khi xây dựng gia đình riêng, hàng tháng chị Y đưa cho bà O 5.000.000đ – 6.000.000đ, chị T đưa cho bà O 4.000.000d – 5.000.000đ để cùng tạo lập tài sản gia đình. Nay bà O và ông M ly hôn, hai chị đề nghị được trích trả công sức theo quy định của pháp luật và tự nguyện chuyển toàn bộ quyền quản lý, sử dụng, sở hữu tài sản được hưởng cho bà O. Nếu không được trích trả công sức thì hai chị không yêu cầu bà O trả lại số tiền hai chị đã đưa cho bà O.

Tại bản án sơ thẩm số 70/2017/HNGĐ-ST ngày 22/9/2017, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hải Dương quyết định:

Áp dụng Điều 14, Điều 16, khoản 2 Điều 53 Luật HNGĐ 2014; Điều 219, Điều 357 BLDS; Điều 147, Điều 165, Điều 166, khoản 2 Điều 228 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

- Về hôn nhân: Xử không công nhận bà O và ông M là vợ chồng.

- Về tài sản chung:

Xác định bà O và ông M có tài sản chung gồm: 301m^2 đất thổ cư tại thửa số 457, 458 tờ bản đồ số 03, địa chỉ xóm 8 xã Xã M, huyện K, tỉnh Hải Dương và nhà ở, tài sản, công trình trên đất; 01 bàn thờ, 01 bộ bàn ghế. Tổng giá trị tài sản chung là 854.943.000đ.

Chia cho bà O và ông M mỗi người hưởng ½ trị giá tài sản chung là 427.471.500đ.

Giao cho bà O sử dụng 164m^2 tại thửa 457 trị giá 328.000.000đ (hình ABCDA theo sơ đồ) và sở hữu các tài sản trên đất gồm nhà cấp IV mái ngói trị giá 7.900.000đ; nhà phụ bán mái lợp fibro xi măng, xây gạch ba banh và gạch chỉ, không trát, diện tích 25,08m^2 (tận dụng tường hai bên tường nhà và tường bao), trị giá 3.030.000đ; bể nước đã hư hỏng trị giá 0đ; cổng sắt hộp trị giá 1.548.000đ; trụ cổng trị giá 560.000đ; tường bao xây gạch ba banh trị giá 1.289.000đ; hàng rào thép trị giá 463.000đ. Tổng trị giá tài sản bà O được giao bằng hiện vật là 342.790.000đ.

Giao cho ông M sử dụng 137m^2 tại thửa số 457 và 458 (hình BCEFB theo sơ đồ) trị giá 274.000.000đ và sở hữu các tài sản trên đất gồm mái tôn bán hàng (nằm trên phần đất mương của tập thể) trị giá 4.898.000đ; nhà mái bằng xây gạch chỉ sử dụng bán hàng (một phần thuộc diện tích đất được giao, còn lại thuộc đất mương của tập thể) trị giá 69.340.000đ; nhà mái bằng trị giá 141.000.000đ; công trình phụ (nhà vệ sinh, bể nước) trị giá 11.770.000đ; tường rào xây gạch ba banh trị giá 2.045.000đ; 01 bàn thờ và 01 bộ bàn ghế xà cừ trị giá 9.100.000đ. Tổng giá trị tài sản ông M được giao bằng hiện vật là 512.153.000đ. Tạm giao phần đất lấn chiếm của tập thể nêu cho ông M sử dụng. Khi nào Nhà nước thu hồi thì ông M có trách nhiệm tháo dỡ, phá bỏ các tài sản trên đất lấn chiếm và trả lại đất cho Nhà nước.

Ông M có nghĩa vụ trả chênh lệch giá trị tài sản chung cho bà O bằng tiền là 84.681.500đ.

Ông M có trách nhiệm tháo dỡ mái tôn (trị giá 29.977.000đ) là tài sản riêng của ông M nằm trên phần đất bà O được chia để trả lại diện tích đất cho bà O.

Không chấp nhận yêu cầu của chị T và chị Y về việc chia công sức đóng góp vào khối tài sản chung của bà O và ông M.

Chấp nhận sự tự nguyện của ông M về việc chịu cả chi phí định giá tài sản là 900.000đ. Ông M đã nộp đủ.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, thi ành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/10/2017, bà O kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và VKSND huyện K kháng nghị một phần bản án sơ thẩm về chia tài sản chung vợ chồng.

Trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bà O thay đổi yêu cầu kháng cáo, chỉ kháng cáo bản án sơ thẩm về phần chia tài sản, đề nghị chia đôi dọc thửa đất. Nếu không được chấp nhận thì bà đề nghị giao cho bà phần đất phía trước giáp đường thôn và giao cho ông M phần đất phía sau, bà sẽ trả chênh lệch giá trị tài sản cho ông M.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo là bà O giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như đã trình bày trong quá trình chuẩn bị xét xử phúc thẩm.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân thủ pháp luật: Từ khi thụ lý, trong quá trình chuẩn bị xét xử đến phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự tham gia phiên tòa tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về hướng giải quyết vụ án: VKSND tỉnh Hải Dương giữ nguyên quyết định kháng nghị của VKSND huyện K, đề nghị HĐXX chấp nhận kháng nghị của VKS và kháng cáo của bà O, sửa bản án sơ thẩm về phần chia hiện vật để bảo vệ lợi ích chính đáng của mỗi bên trong kinh doanh nghề nghiệp, các bên có điều kiện tiếp tục lao động tạo thu nhập. Cụ thể giao cho bà O sử dụng 137m^2 tại thửa số 457 và 458 và các tài sản trên đất; giao cho ông M sử dụng 164m^2 tại thửa 457 và các tài sản trên đất; bà O phải trả chênh lệch giá trị cho ông M; do sửa bản án sơ thẩm nên bà O không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Kháng cáo của bà O và kháng nghị của VKSND huyện K trong thời hạn quy định tại Điều 273, Điều 280 BLTTDS nên là kháng cáo, kháng nghị hợp lệ.

[2] Xét nội dung kháng cáo của bà O và kháng nghị của VKSND huyện K:

Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa phúc thẩm, bà O thay đổi yêu cầu kháng cáo là chỉ kháng cáo về phần hưởng hiện vật. VKSND huyện K kháng nghị về phần tài sản, cụ thể cũng về cách chia hiện vật cho bà O và ông M.

Về hiện vật:

Tài sản chung của bà O và ông M gồm thửa đất 457, 458 liền kề nhau và có hai mặt giáp đường đi. Một mặt giáp đường trục thôn rộng 5m, một mặt giáp đường ngõ xóm rộng 3m và các tài sản trên đất. Mặt giáp đường trục thôn của thửa đất chỉ có kích thước 7,6m; nhà ở, nhà bán hàng, công trình phụ đều được xây dựng ở giữa đất nên việc bà O yêu cầu chia đôi dọc đất để hai bên đều có

thể sử dụng đất mặt đường trục thôn sẽ ảnh hưởng đến kết cấu của nhà, không phù hợp với hiện trạng nhà đất.

Bà O và VKSND huyện K đều căn cứ vào nghề nghiệp của hai bên đương sự để yêu cầu hoán đổi quyền sử dụng hai thửa đất và tài sản trên đất của bà O và ông M. Tuy nhiên sau khi ly thân, chỉ có ông M vẫn ở ngôi nhà trên thửa đất giáp đường trục thôn, trước đây ông M làm dịch vụ tang lễ nên sử dụng kho ở thửa đất phía sau nhưng tại phiên tòa ông M cũng xác định nhiều tháng nay ông không còn làm nghề này nữa do địa phương không cho làm. Bên cạnh đó, đường ngõ xóm rộng 3m, trong ngõ có nhiều hộ dân sinh sống nên vẫn đảm bảo cho bà O mở quán bán hàng. Tòa án cấp sơ thẩm giao cho ông M phần đất giáp đường trục thôn cùng tài sản trên đất và giao cho bà O phần đất giáp đường ngõ xóm và tài sản trên đất là phù hợp với hiện trạng nhà đất và thực tế cuộc sống của hai bên đương sự.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà O và kháng nghị của VKSND huyện K, giữ nguyên bản án sơ thẩm của TAND huyện K về phần chia tài sản chung vợ chồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xét.

[3] ***Về án phí*****:** Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên bà O phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 273, Điều 280, khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bà Vũ Thị O và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 70/2017/HNGĐ-ST ngày 22/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện K về phần chia tài sản chung.

Xác định bà Vũ Thị O và ông Hoàng Văn M có các tài sản chung gồm: 301m^2 đất thổ cư tại thửa số 457, 458 tờ bản đồ số 03, địa chỉ xóm 8 xã Xã M, huyện K, tỉnh Hải Dương và nhà ở, tài sản, công trình trên đất; 01 bàn thờ và 01 bộ bàn ghế. Tổng giá trị tài sản chung là 854.943.000đ.

Chia cho bà O và ông M mỗi người hưởng ½ trị giá tài sản chung là 427.471.500đ.

Giao cho bà O sử dụng 164m^2 tại thửa đất 457 trị giá 328.000.000đ và sở hữu các tài sản trên đất gồm nhà cấp IV mái ngói trị giá 7.900.000đ; nhà phụ bán mái lợp fibro xi măng, xây gạch ba banh và gạch chỉ, không trát (tận dụng tường hai bên tường nhà và tường bao) trị giá 3.030.000đ; bể nước đã hư hỏng trị giá 0đ; cổng sắt hộp trị giá 1.548.000đ; trụ cổng trị giá 560.000đ; tường bao

xây gạch ba banh trị giá 1.289.000đ; hàng rào thép trị giá 463.000đ. Tổng trị giá tài sản bà O được giao bằng hiện vật là 342.790.000đ.

Giao cho ông M sử dụng 137m^2 tại thửa đất 457, 458 trị giá 274.000.000đ và sở hữu các tài sản trên đất gồm mái tôn bán hàng (nằm trên phần đất mương của tập thể) trị giá 4.898.000đ; nhà mái bằng xây gạch chỉ sử dụng bán hàng (một phần thuộc diện tích đất được giao, phần còn lại thuộc đất mương của tập thể) trị giá 69.340.000đ; nhà mái bằng trị giá 141.000.000đ; công trình phụ (gồm nhà vệ sinh, bể nước) trị giá 11.770.000đ; tường rào xây gạch ba banh trị giá 2.045.000đ; 01 bàn thờ và 01 bộ bàn ghế xà cừ trị giá 9.100.000đ. Tổng giá trị tài sản bà O được giao bằng hiện vật là 512.153.000đ. Tạm giao phần đất lấn chiếm của tập thể nêu trên cho ông M sử dụng. Khi nào Nhà nước thu hồi thì ông M có trách nhiệm tháo dỡ, phá bỏ các tài sản trên đất lấn chiếm và trả lại đất cho Nhà nước.

Ông M có nghĩa vụ trả chênh lệch giá trị tài sản chia bằng hiện vật cho bà O bằng tiền là 84.681.500đ.

Ông M có trách nhiệm tháo dỡ mái tôn (trị giá 29.977.000đ) là tài sản riêng của ông M nằm trên phần đất của bà O được chia để trả lại diện tích đất cho bà O.

Về đường ranh giới diện tích đất giao cho bà O, ông M sử dụng được xác định như sau:

Từ mép đường ranh giới phía Bắc của thửa đất giao cắt với đường ranh giới phía Tây của thửa đất xác định là điểm A. Từ điểm A kéo dọc theo đường ranh giới phía Bắc của thửa đất về hướng Đông xác định là điểm B, AB dài 14,4m. Từ điểm A kéo dọc theo đường ranh giới phía Tây của thửa đất về hướng Nam là điểm D, AD dài 12,1m. Từ điểm D kéo dọc theo đường ranh giới phía Nam của thửa đất về hướng Đông xác định là điểm C, DC dài 15,6m. Phần đất bà O được giao là ABCDA; phần đất còn lại ông M được giao là BCEFB *(có sơ đồ mốc giới phân chia đất kèm theo)*.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên có nghĩa vụ chậm trả tiền phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí: Bà Vũ Thị O phải chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, đối trừ với 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0001275 ngày 10/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Hải Dương, bà O đã thi hành xong phần án phí.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 25/12/2017.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện K;
- THADS huyện K;
- UBND xã M, huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu tòa.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thanh Thủy

Các Thẩm phán **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Văn Chất **Nguyễn Thị Thu Hiền** **Lê Thị Thanh Thủy**